

Bản án số: **606/2023/DS-PT**

Ngày 30 – 8 - 2023

V/v “*Tranh chấp về chia di sản thừa kế
là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc: **“Tranh chấp về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”**

Do có kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2022/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1550/2023/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Danh S**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Danh S: Luật sư **Trần Hữu P** - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Thị S1 (Thị B)**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Thị S1:** Bà **Danh Mỹ T**, sinh năm 1982 (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022).

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh K.

Địa chỉ: thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quang Đ.** Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh K. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Thị B1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thị B1: Bà **Danh Mỹ T**, sinh năm 1982 (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022).

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và các phiên hoà giải ông Danh S trình bày:

Tôi nghe, đọc, viết, nói và hiểu rành được tiếng Kinh, không yêu cầu người phiên dịch.

Cha tôi là ông Danh S2 (sinh năm 1924, chết ngày 22/6/2004 (Bút lục 118), mẹ là bà Thị B2 (sinh năm 1926, chết vào ngày 24/3/2018 (Bút lục 09) là vợ chồng. Ông S2, bà B2 chết đều không để lại di chúc. Ông S2 và bà B2 lúc sinh thời có được 03 người con gồm: Thị B1, Thị S1 và tôi (Danh S).

Vào năm 1983, gia đình tôi được tập đoàn cấp 12.000m² đất ruộng tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, khi ấy gia đình tôi có 04 nhân khẩu gồm: Ông S2, bà B2, bà S1 và tôi.

Sau khi tôi kết hôn vào năm 1984, năm 2000, gia đình tôi chia phần đất nêu trên cho 04 người, mỗi người được hưởng 3000m², nhưng tôi chỉ nhận 1.818m², diện tích đất ruộng của tôi được hưởng còn lại là 1.182m² thì tôi để cho bà B2 canh tác, khi nào tôi cần thì tôi nhận lại. Sau khi bà B2 chết, tôi yêu cầu bà S1 trả lại cho tôi phần đất ruộng còn lại 1.182m² của tôi để tôi sử dụng thì bà S1 không đồng ý. Tôi làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp H1 giải quyết thì được biết bà S1 đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m², mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng tháng 7/2027, nguồn gốc sử dụng đất Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nhưng nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ bà Thị S1 vào ngày 14/8/2007 (Bút lục 31). Bà Thị S1 không có chồng và không có con, ở với ông S2 và bà B2 từ nhỏ cho đến nay.

Lý do tôi yêu cầu được chia với lý do như sau: Trước đây hộ gia đình của ông Danh S2 và bà B2 gồm có bốn người là ông Danh S2 và bà Thị B2, Thị S1, Danh S nên tập đoàn cấp cho mỗi người 3000 m² là được 12.000 m². Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất màu xanh mang tên ông Danh S2 (Cha tôi là ông S2 nhỏ), ông S3 lớn là anh rể của ông S2 nhỏ. Năm 2000, khi cha mẹ tôi còn sống cha mẹ tôi đồng ý chia cho tôi 3.000m², diện tích 1.818m² tôi nhận trước đây tôi đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy số AĐ340622, thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi không có thể chấp ở đâu. Nay tôi yêu cầu được nhận trong phần diện tích đất mà bà Thị S1 đang đứng tên 7.446m², tôi đã nhận 1.818m² và đã có giấy như trên. Phần còn lại 1.182m² theo định suất 3000m² tôi yêu cầu bà Thị S1 trả lại cho tôi.

Theo định suất lúc đó thì cha mẹ của tôi được 6000m². Như đã nói ở trên cha mẹ chết không để lại di chúc. Như vậy thì phần tôi được hưởng khi chia cho ba anh em mỗi người là 2000m².

Tôi yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m², tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ bà Thị S1 vào ngày 14/8/2007

- Buộc bà Thị S1 phải trả cho tôi 1.182m² đất thuộc thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của tôi.

- Yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích đất 6.000m² của ông Danh S2 và bà Thị B2 được cấp định suất vào năm 1983 thuộc thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m², tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ bà Thị S1 vào ngày 14/8/2007 cho tôi, bà Thị B1, bà Thị S1 theo quy định của pháp luật.

Bà Thị S1 trình bày:

Tôi nghe, nói và hiểu rành được tiếng Kinh, không yêu cầu người phiên dịch. Tôi xác nhận ông Danh S trình bày về tên cha, mẹ, quan hệ gia đình của ông S, bà S1, bà B1 là đúng.

Khi ông S2, bà B2 còn sống thì ông S2, bà B2 có tạo lập được một sổ ruộng đất và đã có chia phần cho ông S, bà B1.

Bà Thị S1 sống chung với ông S2, bà B2, không lập gia đình riêng, không có con, trực tiếp chăm sóc ông S2, bà B2. Năm 1983, Nhà nước cấp đất nông nghiệp và đất thổ cư theo định suất thì hộ khẩu gia đình chỉ có ông S2, bà B2 và bà S1, không có ông S và bà B1. Sau khi ông S2 qua đời, bà B2 làm thủ tục cho bà Thị S1 toàn bộ phần đất của ông S2, bà B2, trong đó có phần đất bà Thị S1 được hưởng theo định suất do tập đoàn cấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ340629, thửa đất số 102, tờ bản đồ số 24, diện tích 691m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ340630, thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích

7.446m², hai phần đất này đều tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và đều do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ bà Thị S1 vào ngày 14/8/2007. Bà Thị S1 sử dụng hai phần đất này từ năm 1983 đến nay. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ340629, AĐ340630 hiện nay bà S1 đang giữ, không thể chấp cho cá nhân, tổ chức nào.

Bà Thị S1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Danh S.

Bà Thị B1 trình bày: Tôi nghe, nói và hiểu rành được tiếng Kinh, không yêu cầu người phiên dịch.

Tôi xác nhận ông Danh S trình bày về tên cha, mẹ, quan hệ gia đình là đúng. Ông Danh S2 (sinh năm 1924, chết vào ngày 22/4/2004 âm lịch)

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Thị S1 và trình bày bổ sung như sau: Khi chưa đưa đất vào tập đoàn thì ông S2 và bà B2 đã có cho ông Danh S 01 nền nhà và 2.000m² đất ruộng, cho tôi 01 nền nhà và 5.000m² đất ruộng đều tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, các phần đất này hiện nay ông S, tôi vẫn đang trực tiếp sử dụng. Sau đó, tập đoàn 3 có cấp cho gia đình ông S thêm 05 công đất ruộng tầm 03 mét và 01 nền nhà vì khi ấy gia đình ông S có 02 vợ chồng ông S và 01 đứa con; tập đoàn 3 có cấp cho gia đình tôi thêm 06 công đất ruộng tầm 03 mét vì khi ấy gia đình tôi có 02 vợ chồng tôi và 01 đứa con; ông S và tôi đã chuyển nhượng hết phần đất do tập đoàn 3 cấp cho ông S và tôi cho người khác. Sau khi ông S chuyển nhượng hết phần đất do tập đoàn 3 cấp cho ông S cho người khác, thì gia đình ông S không còn đất để canh tác, thuộc hộ nghèo nên tập đoàn 1 có cấp cho gia đình ông S thêm 3.000m² đất ruộng, cấp đất tình thương cho hộ nghèo. Đất ông S2, bà B2 cho tôi, ông S và đất do tập đoàn 3 cấp cho tôi, ông S, đất do tập đoàn 1 cấp cho ông S cách xa nhau chứ không có liền ranh nhau, các phần đất này đều tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay gia đình tôi chỉ còn lại phần đất do ông S2, bà B2 cho; gia đình ông S còn lại phần đất do ông S2, bà B2 cho và phần đất tập đoàn 1 cấp. Khi ông S2 còn sống thì ông S2, bà B2 không có chia phần cho bà S1; ông S2 và bà B2 nói đứa nào ở nuôi ông S2, bà B2 thì sau này hưởng phần tài sản còn lại của ông S2, bà B2. Bà Thị S1 sống chung với ông S2, bà B2, không lập gia đình riêng, trực tiếp chăm sóc ông S2, bà B2 cho đến khi ông S2, bà B2 qua đời.

Tôi yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Danh S, công nhận hai phần đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng của bà Thị S1. Tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này và cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Danh S.
2. Không chấp nhận lời khai nại của bà Thị S1.

3. Công nhận di sản thừa kế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 340630; thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m^2 (diện tích đo đạc thực tế là $7671,5\text{m}^2$), mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng 07/2027, nguồn gốc sử dụng đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho Hộ ông (bà) Thị S1 vào ngày 14/8/2007 là của cụ Danh S2, cụ Thị B2 để lại.

3.1- Chia cho ông Danh S được quyền sử dụng đất số đất tại thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.917m^2 , mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng 07/2027, nguồn gốc sử dụng đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; có hình 5,6,8,7 vị trí tứ cận như sau:

Chiều ngang: Cạnh 5-7 giáp đất Phạm Hoàng M là 30,59m, cạnh 8-6 giáp đất Thị L2 là 30,58m

Chiều dài: Cạnh 5-6 giáp phần diện tích đất bà Thị S1 được chia cạnh 5-6 là 63,81m; cạnh 7-8 giáp đất ông Danh S là 61,61m.

Với tổng diện tích theo số đo thực tế là: 1.917m^2

3.2. Chia cho bà Thị S1 được quyền sử dụng số đất tại thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích $5.754.5\text{m}^2$, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng 07/2027, nguồn gốc sử dụng đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, có hình 1,2,3,4,5,6 vị trí tứ cận như sau:

Chiều ngang: Cạnh 1-2 giáp đất Danh S3 là 70,81m; cạnh 5-6 giáp với phần diện tích đất ông Danh S được chia là 63,81m.

Chiều dài: Giáp với đất Phạm Hoàng M bao gồm các cạnh sau: Cạnh 2-3 là 56,20m; cạnh 3-4 là 18,89m; cạnh 4-5 là 8,69m. Cạnh 6-1 giáp với đất Thị L2 là 78,53m.

Với tổng diện tích theo số đo thực tế là: $5.754.5\text{m}^2$.

Toàn bộ số đất trên theo biên bản thực tế đất ngày 21/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và theo sơ đồ tại tờ trích đo địa chính khu đất tranh chấp TĐ 201-2020 (994- 06) ngày 20/10/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Danh S về việc: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m^2 , tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ bà Thị S1 vào ngày 14/8/2007. Yêu cầu buộc bà Thị S1 phải trả cho ông 1.182m^2 đất thuộc thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, là số đất được cấp theo định suất của ông S, đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của ông S.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 10/10/2022 bà Thị S1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Bà Danh Mỹ T, đại diện cho bà Thị S2, Thị B1 trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo lý do cha mẹ bà đã chia tài sản cho các con và không còn tài sản để chia thừa kế. Phần đất diện tích 7.446m² thuộc thửa 994 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại H1, xã N4, huyện C, tỉnh Kiên Giang đã được cha mẹ bà giao và ngày 14/8/2007 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó đến nay bà trực tiếp quản lý sử dụng, cấp sơ thẩm buộc giao một phần đất theo di sản thừa kế cho ông Danh S, bà Thị B1 đối với phần đất bà đứng tên là không hợp lý. Phần diện tích đất này là một phần trong 12.000m² Hợp tác xã giao cho gia đình. Thời điểm giao đất trong hộ chỉ có tên ông S2, bà B2 và bà Thị S1, không có ông Danh S. Sau đó ông Danh S đã tự ý đào ao, sử dụng khoảng 600m² đất, phần còn lại do đo đạc không chính xác nên chỉ còn 7.446m². Khi ông S2 bà B2 còn sống đã chia cho ông Danh S khoảng 3 công đất, chia cho bà Thị B1 khoảng 5 công, bà Thị S1 chưa được chia đất. Ông S2 bà B2 cho bà S1 phần 7.446m². khi cấp Giấy chứng nhận cho bà S1, ông S2 biết nhưng không hề khiếu nại. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh S.

Ông Danh S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông trình bày: giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Trong hồ sơ vụ án có một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông và bà Thị P2, những phần diện tích đất này nguồn gốc là của bên vợ là bà Thị P2 cho hai vợ chồng. Đối với phần diện tích đất tranh chấp là đất cấp cho hộ gia đình trong đó có ông. Cấp sơ thẩm không chấp nhận chia phần thiếu mà chỉ chia thừa kế cho ông là thiệt thòi. Tuy nhiên ông không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu:

-Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Phần đất diện tích 7.446m² thuộc thửa 994 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại H1, xã N4, huyện C, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc của ông S2, bà B2, ông S2 bà B2 chết, di sản thừa kế chưa chia. Vì vậy cấp sơ thẩm chia thừa kế, ghi nhận công lao của bà S1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đại diện bà Thị S1 trình bày ông bà đã cho bà Thị S1 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ gì mới. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Thị S1 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

Tại cấp phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng tại thời điểm giao 12.000m² đất (trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp) ông Danh S không có tên trong hộ khẩu. Tuy nhiên không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, cho dù ông S1 không có tên trong hộ khẩu, không có quyền sử dụng đất trong diện tích đất được giao 12.000m² thì như cấp sơ thẩm đã xác định. Tại phiên tòa đại diện bị đơn cũng thừa nhận phần diện tích đất này có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của ông S2, bà B2. Ông S2, bà B2 chết không để lại di chúc. Cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế, chia thừa kế trong đó có ghi nhận công lao gìn giữ di sản là có căn cứ, đúng pháp luật. Đại diện bị đơn cho rằng phần diện tích đất này ông S2, bà B2 đã tặng cho bà Thị S1 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không nêu được tình tiết, lý lẽ, chứng cứ gì khác chứng minh cho lời trình bày, kháng cáo của mình. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân cấp cao bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: bà Thị S1 là người cao tuổi, được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Thị S1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Căn cứ các Điều 609; 612; 613; 617; 618; 649; 650; 651; 660; Bộ luật Dân sự 2015; khoản 4, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, khoản 4, Điều 34 và các Điều 147;158; 166; 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ, khoản 1, Điều 12 và khoản 1, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 100, 166, 203 và 204 Luật Đất đai năm 2013. Án lệ số 05/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Danh S.

- Không chấp nhận lời khai nại của bà Thị S1.

- Công nhận di sản thừa kế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 340630; thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m^2 (diện tích đo đạc thực tế là $7671,5\text{m}^2$), mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng 07/2027, nguồn gốc sử dụng đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho Hộ ông (bà) Thị S1 vào ngày 14/8/2007 là của cụ Danh S2, cụ Thị B2 để lại.

+ Chia cho ông Danh S được quyền sử dụng đất số đất tại thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.917m^2 , mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng 07/2027, nguồn gốc sử dụng đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; có hình 5,6,8,7 vị trí tứ cận như sau:

Chiều ngang: Cạnh 5-7 giáp đất Phạm Hoàng M là 30,59m, cạnh 8-6 giáp đất Thị L là 30,58m

Chiều dài: Cạnh 5-6 giáp phần diện tích đất bà Thị S1 được chia cạnh 5-6 là 63,81m; cạnh 7-8 giáp đất ông Danh S là 61,61m.

Với tổng diện tích theo số đo thực tế là: 1.917m^2

+ Chia cho bà Thị S1 được quyền sử dụng số đất tại thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích $5.754.5\text{m}^2$, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, thời hạn sử dụng 07/2027, nguồn gốc sử dụng đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, có hình 1,2,3,4,5,6 vị trí tứ cận như sau:

Chiều ngang: Cạnh 1-2 giáp đất Danh S3 là 70,81m; cạnh 5-6 giáp với phần diện tích đất ông Danh S được chia là 63,81m.

Chiều dài: Giáp với đất Phạm Hoàng M bao gồm các cạnh sau: Cạnh 2-3 là 56,20m; cạnh 3-4 là 18,89m; cạnh 4-5 là 8,69m. Cạnh 6-1 giáp với đất Thị L là 78,53m.

Với tổng diện tích theo số đo thực tế là: $5.754.5\text{m}^2$.

Toàn bộ số đất trên theo biên bản thực tế đất ngày 21/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và theo sơ đồ tại tờ trích đo địa chính khu đất tranh chấp TĐ 201-2020 (994- 06) ngày 20/10/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Danh S về việc: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.446m^2 , tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ bà Thị S1 vào ngày 14/8/2007. Yêu cầu buộc bà Thị S1 phải trả cho ông 1.182m^2 đất thuộc thửa đất số 994, tờ bản đồ số 6, là số đất được cấp theo định suất của ông S, đất tọa lạc tại ấp H (Nay là ấp H1), xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của ông S.

- Trên cơ sở bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Ông Danh S, bà Thị S1 có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để tách thửa, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tờ trích đo địa chính số TĐ 131-2023 (994-06) ngày 24/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đối với diện tích đất theo số đo thực tế như trên là 1.917m² cho ông Danh S; đồng thời điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thị S1 theo số đo thực tế như trên là: 5.754.5m². Theo quy định của pháp luật đất đai và từng bên phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Về chi phí tố tụng:

- Buộc ông Danh S phải nộp số tiền 1.455.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Ông Danh S đã nộp xong.

- Buộc bà Thị S1 phải trả lại cho ông Danh S số tiền chi phí tố tụng là 4.366.000đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh S, bà Thị S1; đều là người được miễn án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Danh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002435 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Thị S1 được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Lưu LTHS (18) (ĐHV)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ngọc